

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28/8/2020
“V/v Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Gia Thắng.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Trinh.

Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 145/2020/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020 về việc Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2020/QĐST - HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Phạm Đức T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu 4, thị trấn Th Th, huyện Th Th, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Minh Tr**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Khu Đ Ph, xã Th Kh, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

(Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Tr vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/3/2020, bản tự khai ngày 25/6/2020, các biên bản làm việc tại Tòa án nguyên đơn anh Phạm Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2015 anh T xây dựng gia đình với chị Nguyễn Thị Minh Tr, đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Th Th, huyện Th Th, tỉnh Phú Thọ. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình bố mẹ anh T được một thời gian, sau đó vợ chồng lại bàn với nhau chuyển vào trong gia đình bố mẹ chị Tr tại xã Th Kh để làm ăn kinh tế. Khoảng đầu tháng 4 năm 2016 vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, trong cuộc sống, vợ chồng không có con chung nên tình cảm bị dần nứt, từ đó thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm đến nhau. Mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình nội ngoại có biết và khuyên bảo nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được gì. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2016 đến nay, mỗi người một nơi không ai còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Nay anh T nhận thấy hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm với chị Tr không còn nên xin ly hôn để giải phóng cho nhau, ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh T trình bày vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh T trình bày vợ chồng không có, ly hôn anh không có đề nghị gì.

Phía bị đơn, chị Nguyễn Thị Minh Tr đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa anh T với chị Tr, lấy lời khai của bố đẻ chị Tr. Theo kết quả xác minh ngày 27/7/2020 tại khu hành chính xóm Đ Ph, xã Th Kh xác định chị Tr có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Đ Ph, xã Th Kh, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/7/2020 của ông Nguyễn Văn H là bố đẻ chị Tr xác định: Năm 2015 chị Tr và anh T có tự do tìm hiểu xây dựng gia đình với nhau, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Th Th, huyện Th Th, Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh T và chị Tr ở chung với gia đình bố mẹ anh T tại thị trấn Th Th một thời gian, sau đó vợ chồng bàn với nhau chuyển vào trong gia đình nhà ông để ở làm kinh tế, tuy nhiên cũng không được bao lâu thì trong cuộc sống chung giữa anh T và chị Tr phát sinh mâu thuẫn, lý do là vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, chủ yếu cũng từ anh T hay chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần, bản thân chị Tr và gia đình hai bên nội ngoại có khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không có sự thay đổi nào, từ đó dẫn đến vợ chồng cãi nhau, xúc phạm nhau. Anh T và chị Tr sống ly thân được khoảng 4 năm nay, mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến nhau. Theo ông H vợ chồng anh T và chị Tr ly thân đã lâu, hôn nhân không có hạnh phúc đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con

chung: Ông H xác định giữa anh T và chị Tr không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Ông H trình bày vợ chồng anh T và chị Tr chung sống với nhau thời gian ngắn nên không có tài sản chung, công nợ gì. Hiện nay chị Tr đi làm ăn ở Miền Nam, ông H cũng không biết địa chỉ cụ thể nhưng chị Tr vẫn gọi điện và thỉnh thoảng về thăm nhà. Gia đình có nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án, ông H có trực tiếp gọi điện cho chị Tr nói chuyện và thông báo về việc anh T xin ly hôn, chị Tr nói lại với ông có biết việc đó, anh T cũng có nói với chị về việc ly hôn nhưng chị bảo với ông là do công việc bận, đi làm ăn xa nên chị không về được, vợ chồng sống ly thân đã lâu, chị xác định tình cảm với anh T không còn nên đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Về con chung, tài sản, nợ nần không có. Chị Tr còn nói với ông là nhờ ông nhận hộ các giấy tờ, văn bản tố tụng của Tòa án khi chị không ở nhà, sau đó thông báo cho chị được biết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 06/8/2020; bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Đức T, xử cho anh Phạm Đức T được ly hôn chị Nguyễn Thị Minh Tr. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Anh T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 16/6/2020 anh Phạm Đức T nộp đơn khởi kiện về việc ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh Tr, đây là tranh chấp Hôn nhân gia đình được Tòa án nhân dân huyện Th S, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh Phạm Đức T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 06/8/2020, chị Nguyễn Thị Minh Tr được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng

mặt không có lý do nên đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh T, chị Tr là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đức T và chị Nguyễn Thị Minh Tr đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND thị trấn Th Th, huyện Th Th, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng ở cả hai nơi, khi thì ở bên nội, có thời gian lại ở bên ngoại. Trong cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nguyên nhân chính là do anh T chơi bời, không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, vợ chồng chính thức sống ly được 4 năm nay, mỗi người một nơi, mỗi người có cuộc sống riêng không ai còn quan tâm đến nhau. Căn cứ vào lời khai của bố đẻ chị Nguyễn Thị Minh Tr là ông Nguyễn Văn H và qua kết quả xác minh tình trạng hôn nhân tại khu hành chính thấy phù hợp với lời trình bày của anh T. Hội đồng xét xử thấy rằng có đủ căn cứ khẳng định anh T và chị Tr đã không còn chung sống với nhau một thời gian dài, giữa hai vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau, mâu thuẫn cũng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả. Do vậy tình trạng hôn nhân giữa anh T và chị Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Tr cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc và hòa giải, không trình bày quan điểm gì có thể thấy chị Tr không có mong muốn đoàn tụ, không có nguyện vọng để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Việc anh T xin ly hôn với chị Tr là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh Phạm Đức T khẳng định vợ chồng không có con chung, chị Tr không đến Tòa án làm việc nên không có trình bày gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh Phạm Đức T xác định không có, ly hôn anh không có đề nghị gì. Chị Tr không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh Phạm Đức T phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Đức T đối với chị Nguyễn Thị Minh Tr. Xử cho anh Phạm Đức T được ly hôn chị Nguyễn Thị Minh Tr.

2. Về án phí: Anh Phạm Đức T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: AA/2020/0003161 ngày 17/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Th S, tỉnh Phú Thọ. Nay chuyển thành án phí.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã nơi các đương sự thường trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện.
- UBND TT Th Th, huyện Thanh Thủy;
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Cẩm Vân